

Số: 42/2022/QĐST-HNGĐ

TT, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Vũ Văn P; Sinh năm: 1967

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn K, huyện TT, tỉnh TH.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1983

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn K, huyện TT, TH.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện TT - Bắc TH. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V.

Địa chỉ: Khu 5 thị trấn K, huyện TT, tỉnh TH.

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 3,4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị N có 02 con chung là Vũ Khánh L (Giới tính: Nữ), sinh ngày 02/7/2011 và Vũ Mỹ C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/10/2015. Sau khi ly hôn, ông P, bà N thống nhất thỏa thuận. Bà N được trực tiếp nuôi

đưỡng cháu Vũ Mỹ C. Ông P trực tiếp nuôi cháu Vũ Khánh L, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau.

Ông P, bà N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Ông Vũ Văn P và bà Nguyễn Thị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Ông Vũ Văn P, bà Nguyễn Thị N và đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện TT- Bắc TH thống nhất thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị N là người có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng.

- **Về án phí:** Ông Vũ Văn P, bà Nguyễn Thị N thống nhất thỏa thuận: Ông P chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông P đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007630 ngày 11/5/2022. Ông P được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn

